TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HS-ST
Ngày 25/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Nhạ và Bà Hoàng Thị Thu Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Hoàn – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn* tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng và ông Hoàng Vĩnh Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2024/TLST-HS ngày 11/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 12/7/2024 đối với bị cáo:

Nông Thành N**;** Tên gọi khác: không; sinh ngày 29/5/1990 tại: xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Minh T1 và bà Lương Thúy Đ; Vợ, con: chưa có

Tiền án: Không;

Tiền sự 01: Ngày 29/11/2023 bị Chủ tịch UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo quyết định xử phạt số 277/QĐ-XPHC ngày 29/11/2023, đến ngày 06/12/2023 bị cáo đã nộp phạt xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2023 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1988; Chị Nông Thị L, sinh năm 1991. Đều trú tại: thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/12/2023 tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B đang làm nhiệm vụ tại thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì phát hiện Nông Thành N, sinh ngày 29/5/1990, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng đang điều khiển xe mô tô Vision màu đỏ, biển kiểm soát 12 – T1-214.31 có biểu hiện nghi vấn tàng trữ hàng cấm nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra, Nông Thành N không làm chủ được tốc độ nên đã ngã xuống lề đường bên phải, tổ công tác đã mời người chứng kiến, đại diện chính quyền địa phương, tiến hành kiểm tra trên người và phương tiện của N điều khiển. Kết quả đã phát hiện, tạm giữ, thu giữ:

- Tại trong túi quần dài đằng sau bên phải của N có 01 (một) gói được gói bằng mảnh giấy một mặt màu trắng một mặt màu vàng bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột và cục N2 là ma túy, tổ công tác đã tiến hành niêm phong trong phong bì kí hiệu N1
- 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng, loại bàn phím cơ học, có số IMEI là 354275380724666 bên trong có 01 sim có số thuê bao là 0867042239 niêm phong trong phong bì kí hiệu N2
- Số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) niêm phong trong phong bì kí hiệu N3
- 01 (một) căn cước công dân số 020090096996 mang tên Nông Thành N
- 01 xi lanh nhựa đã qua sử dụng và 04 ống NOVOCAIN chưa sử dụng niêm phong trong phong bì kí hiệu N4
- 01 xe mô tô Honda Vision màu đỏ đã qua sử dụng, biểm kiểm soát 12T1 – 214.31 (có chìa khóa xe kèm theo)
- Phát hiện tại bờ mép trên miệng cống cách vị trí đầu xe mô tô của N về phía trước khoảng 03 mét có 01 (một) gói nilon được dán bằng băng dính màu trắng bên trong có chứa chất màu trắng dạng bột và cục N2 là ma túy. Tổ công tác đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ gói nilon và niêm phong trong phong bì kí hiệu N5

Ngày 23/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã tiến hành mở, đóng niêm phong, kiểm tra, cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ nghi là ma túy của Nông Thành N trong các phong bì niêm phong ký hiệu N1 và N5. Kết quả:

- Bên trong phong bì niêm phong ký hiệu N1 có 01 (một) gói được gói bằng giấy một mặt màu trắng, một mặt màu vàng bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục và bột. Tiến hành cân riêng số chất màu trắng dạng cục và bột có khối lượng là 0,018g (không phẩy không một tám gam), sau khi cân đã cho vào 01 (một) túi

nilon trong suốt miệng túi có khóa zip có viền màu đỏ và niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 để gửi giám định.

- Bên trong phong bì niêm phong ký hiệu N5 có 01 (một) gói được gói bằng nilon màu trắng, dán bên ngoài bằng băng dính màu trắng, bên trong có 01 (một) túi nilon miệng túi có khóa zip có viền màu đỏ bên trong có chứa chất màu trắng dạng cục và bột. Tiến hành cân số chất màu trắng dạng cục và bột có khối lượng là 8,888g (tám phẩy tám tám tám gam), sau khi cân đã cho vào 01 (một) túi nilon trong suốt miệng túi có khóa zip có viền màu đỏ và niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 để gửi giám định.

Vỏ phong bì kí hiệu N1, N5, giấy gói, nilon cũ được cho vào trong phong bì niêm phong kí hiệu M3.

Tại Kết luận giám định số 24/KL-KTHS ngày 28/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong 02 (hai) phong bì ký hiệu M1 và M2 gửi giám định đều là ma túy; loại Heroine (H), có tên khoa học là: Diacetylmorphine, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

- Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu M1 có khối lượng là: 0,018g (không phẩy không một tám gam).

- Mẫu chất màu trắng dạng cục và bột trong phong bì ký hiệu M2 có khối lượng là: 8,888g (tám phẩy tám tám tám gam).

Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu M1 đã dùng để giám định hết, mẫu chất trong phong bì ký hiệu M2 còn lại: 8,750g (tám phẩy bảy năm không gam) cùng toàn bộ phong bì, bao gói cũ niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T22 hoàn trả lại cho Cơ quan trưng cầu.

Quá trình điều tra, Nông Thành N khai nhận: Vào khoảng 10 giờ ngày 22/12/2023, N gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1988, trú tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn nhờ Đ1 đưa sang huyện N, tỉnh Bắc Kạn để giải quyết công việc. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Đ1 đi xe máy VISION màu đỏ biển kiểm soát 12T1-214.31 sang đón N, khi sang đến ngã ba thuộc xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì N bảo Đ1 ngồi đợi ở quán nước, còn N mượn xe mô tô của Đ1 đi vào xã K để tìm mua ma túy nhưng không nói cho Đ1 biết là đi đâu. Nhơn đã mua được 01 (một) gói ma túy, loại heroine được bọc bằng nilon màu trắng và dán bằng băng dính màu trắng của một người đàn ông không quen biết với giá 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Sau khi mua được ma túy, N đã lấy một ít ma túy gói vào mảnh giấy trong bao thuốc lá để vào túi quần dài đằng sau bên phải để sử dụng trước, còn gói ma túy N cầm ở tay trái. Trên đường quay ra đến địa phận thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn khi bị lực lượng Công an dừng xe kiểm tra Nhơn đã ném gói ma túy cầm trong tay trái ra sân của nhà người dân, sau đó Cơ quan Công an đã

phát hiện và thu giữ được của N 02 (hai) gói ma túy, loại heroine (một gói tại túi quần đằng sau bên phải, một gói ma túy do N ném ra sân nhà bà Quách Thị D). N khai nhận, bản thân nghiện ma túy, mục đích N đi tìm mua ma túy về để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích khác.

Bà Quách Thị D và Trần Văn T2 đều khai nhận: Ngày 22/12/2023, bà D ở nhà thuộc thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng 17 giờ 00 bà D đứng ở cửa nhà thì thấy 01 nam giới điều khiển xe Vision màu đỏ mận chín chạy từ Bản T ra thị trấn Y và có 02 xe máy đi từ thị trấn Y vào Bản T va chạm nhau. Xe máy V màu đỏ mận chín ngã vào trong sân nhà bà D và rơi ra 01 gói bằng ni lon màu trắng được cuốn băng dính màu trắng. Tại thấy vướng nên bà D bảo chồng là ông Trần Văn T2 ra nhặt gói nilon màu trắng ra mép cống sân nhà bà vứt. Sau khi có người giới thiệu là Công an đang thực hiện nhiệm vụ thì ông T2 đã chỉ vị trí gói trên cho tổ công tác Công an tỉnh B.

Ngày 17/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tổ chức thực nghiệm điều tra đã cho Nông Thành N ngồi trên xe mô tô thực hiện lại động tác cầm gói nilon có kích thước tương đồng gói ma túy đã thu giữ bằng tay trái sau đó ném gói ma túy vào sân nhà ông T2 và cho ông Trần Văn T2 thực hiện cầm nilon do N ném ra và đặt tại vị trí mép bờ mương. Kết quả Nông Thành N và ông Trần Văn T2 đều thực hiện được.

Lời khai nhận của bị cáo Nông Thành N là phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng của vụ án, bao gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong có vỏ phong bì ký hiệu N1, N5 cùng giấy gói, nilon cũ.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu N4 bên trong có 01 (một) bơm kim tiêm nhựa và 04 (bốn) ống NOVOCAIN.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T22 bên trong có 8,750g (tám phẩy bẩy năm mươi gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (loại bàn phím cơ học) có số IMEI: 354275380724666, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0867042239.

- 01 (một) căn cước công dân số: 020090096996 mang tên Nông Thành N do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 27/12/2021.

- Số tiền 700.000đ (bẩy trăm nghìn đồng) gồm 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000đ.

(Các vật chứng hiện đang được bảo quản theo quy định của pháp luật).

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison Biển kiểm soát: 12T1-214.31 mà Nông Thành N sử dụng ngày 22/12/2023 để đi mua ma túy là tài sản chung của chị Nông Thị L, anh Nguyễn Văn Đ1 trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, chị L và anh Đ1 đều không biết việc N sử dụng chiếc xe mô tô nêu trên vào

việc thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý, tiến hành tra cứu thông tin phương tiện xác định chiếc xe mô tô trên không phải là vật chứng, đồ vật tài liệu liên quan đến vụ án khác nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị Nguyễn Thị L1.

Tại Cáo trạng số 20/CT-VKS-NR ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nông Thanh N1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện Kiểm sát đã truy tố. Bị cáo có ý kiến điện thoại, tiền, căn cước công dân là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên yêu cầu được lấy lại.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1 và chị Nông Thị L vắng mặt trong đơn xin xét xử vắng mặt nêu ý kiến: Chiếc xe mô tô bị tạm giữ trong vụ án là của anh Đ1, chị L. Xe đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L nên không có yêu cầu gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Thành N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nông Thành N từ 06 năm đến 07 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam;

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong có vỏ phong bì ký hiệu N1, N5 cùng giấy gói, nilon cũ;

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu N4 bên trong có 01 (một) bơm kim tiêm nhựa và 04 (bốn) ống NOVOCAIN.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T22 bên trong có 8,750g (tám phẩy bẩy năm mươi gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ.

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (loại bàn phím cơ học) có số IMEI: 354275380724666, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0867042239.

+ 01 (một) căn cước công dân số: 020090096996 mang tên Nông Thành N do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 27/12/2021.

- Tạm giữ số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Sau khi đã khấu trừ các nghĩa vụ số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Việc xét xử vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì đồng ý tiếp tục phiên tòa. Kiểm sát viên nêu quan điểm, việc vắng mặt của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng việc xét xử, vì họ đã nhận được giấy triệu tập hợp lệ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiếp tục phiên tòa là có căn cứ và đúng quy định.

[2] Về hành vi của bị cáo: Căn cứ vào những nội dung tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy những nội dung này cũng đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó có cơ sở để kết luận:Vào khoảng 17 giờ 00 phút ngày 22/12/2023, tại thôn P, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Nông Thành N, sinh ngày 29/5/1990, trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã có hành vi tàng trữ trái phép 8,906g (tám phẩy chín không sáu gam) ma túy, loại heroine. Mục đích tàng trữ để sử dụng. Hành vi nêu trên của Nông Thành N là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an – xã hội của địa phương và phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo N đã đủ

yếu tố cấu thành "Tội Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Điều luật có nội dung:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

g) Heroine……có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự: Ngày 29/11/2023 bị Chủ tịch UBND thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo quyết định xử phạt số 277/QĐ-XPHC của Chủ tịch, đến ngày 06/12/2023 bị cáo đã nộp phạt xong.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải, do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra bị cáo còn có ông nội là Nông Minh H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 249. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX xét thấy bị cáo có đầy đủ sự hiểu biết, nhận thức về

pháp luật; Bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu tu dưỡng bản thân mà lại đua đòi, chơi bời dẫn đến nghiện chất ma túy, thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung đối với người phạm tội: Bị cáo là người sử dụng ma túy, nghề nghiệp là lao động tự do không có công việc ổn định và không có thu nhập, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo không đảm bảo tính thi hành, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là: 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong có vỏ phong bì ký hiệu N1, N5 cùng giấy gói, nilon cũ; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu N4 bên trong có 01 (một) bơm kim tiêm nhựa và 04 (bốn) ống NOVOCAIN; 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T22 bên trong có 8,750g (tám phẩy bảy năm mươi gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ. Là vật chứng, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với vật chứng là: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (loại bàn phím cơ học) có số IMEI: 354275380724666, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0867042239; 01 (một) căn cước công dân số: 020090096996 mang tên Nông Thành N do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 27/12/202. Là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) là của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Sau khi đã khấu trừ các nghĩa vụ số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

[7] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Nông Thành N không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của người này nên không đủ cơ sở để điều tra xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ1 đã chở Nông Thành N từ xã Đ, huyện T sang huyện N, tỉnh Bắc Kạn và cho Nông Thành N mượn xe mô tô ngày 22/12/2023. Khi đi N chỉ nói với anh Đ1 là đi giải quyết việc riêng và khi cho mượn xe anh Đ1 cũng không biết N sử dụng chiếc xe để đi mua ma túy nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyễn Văn Đ1.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

[9] *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Thanh N1 phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt:

Bị cáo Nông Thành N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (23/12/2023).

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nông Thành N.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu M3 bên trong phong bì có vỏ phong bì ký hiệu N1, N5 cùng giấy gói, nilon cũ;

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu N4 bên trong có 01 (một) bơm kim tiêm nhựa và 04 (bốn) ống NOVOCAIN.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T22 bên trong có 8,750g (tám phẩy bẩy năm mươi gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ.

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (loại bàn phím cơ học) có số IMEI: 354275380724666, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bên trong có lắp 01 thẻ sim số thuê bao 0867042239.

+ 01 (một) căn cước công dân số: 020090096996 mang tên Nông Thành N do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 27/12/2021.

- Tạm giữ số tiền 700.000đ (bẩy trăm nghìn đồng) gồm 01 (một) tờ tiền mệnh giá 500.000đ, 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Sau khi đã khấu trừ các nghĩa vụ số tiền còn lại trả lại cho bị cáo.

(*Số lượng, tình trạng theo 02 biên bản giao nhận vật chứng ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa Công an huyện N và Chi cục thi hành án huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn).*

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uû ban Thêng vô Quèc héi.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Na Rì;
- Công an huyện Na Rì;
- THADS huyện Na Rì;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi & nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hs, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lý Thị Luân